TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-05-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Huỳnh Tú.
Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.
2- Bà Nguyện Thị Nguyên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Văn Lưới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1122/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2017 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Như Y, sinh năm: 1990; địa chỉ: 5D37/1 ấp 5, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh , TP. Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Quốc D, sinh năm: 1976; địa chỉ: 5D37/1 ấp 5, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh , TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong xin ly hôn ngày 21 tháng 9 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Như Y trình bày:

Bà và ông Trương Quốc D quen biết nhau từ năm 2007, đôi bên có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế trong gia đình, ông D hay ghen tuông vô cớ nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân từ đầu năm 2017. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với ông D.

Về con chung: có 01 con chung tên Trương Ý Th (nữ), sinh ngày 14/4/2008. Hiện trẻ Th đang sống với ông D nên khi ly hôn bà đồng ý giao con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Quốc D đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 tuyên bố bà Phan Thị Như Y và ông Trương Quốc D không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao trẻ Trương Ý Th (nữ), sinh ngày 14/4/2008 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà Y không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và ông D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của bà Y đối với con. Nếu sau này ông D có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y khai nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Bà Phan Thị Như Y yêu cầu được ly hôn với ông Trương Quốc D. Đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của bà Y thì giữa bà với ông D tự nguyện chung sống vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó; theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa bà Y và ông D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[6] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Ý Th (nữ), sinh ngày 14/4/2008. Xét thấy theo lời trình bày của bà Y thì hiện tại trẻ Th đang do ông D trực tiếp nuôi dưỡng và và nguyện vọng của trẻ Th muốn được sống với cha, bà Y đồng ý giao con ông D nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Th cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Bà Y không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và ông D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của bà Y đối với con. Nếu sau này ông D có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y khai nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bà Y chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030427 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Như Y và ông Trương Quốc D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao trẻ Trương Ý Th (nữ), sinh ngày 14/4/2008 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Y. Nếu sau này ông D có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Bà Y được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Y chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030427 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND TP.HCM ;
-VKSND H.BC;
-THA H.BC;
-Lưu VP, hồ sơ.

LẠI HUỲNH TÚ